

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

**CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

Mã chứng khoán: DXL

Lạng sơn, ngày 03 tháng 06 năm 2021

Phụ lục IV

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LANG SON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 57 /BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 06/12/2019.

- Các sự kiện khác: tháng 5 năm 2015, nhà nước chuyển nhượng toàn bộ phần vốn nhà nước sở hữu tại Công ty, chuyển công ty cổ phần có vốn nhà nước thành công ty cổ phần vốn tư nhân góp 100%.

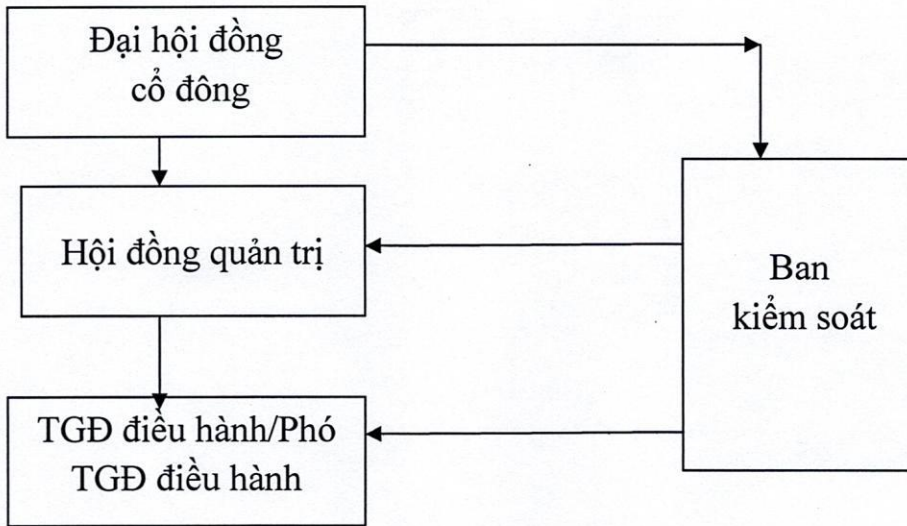
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống; du lịch dịch vụ; SX và kinh doanh rượu...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

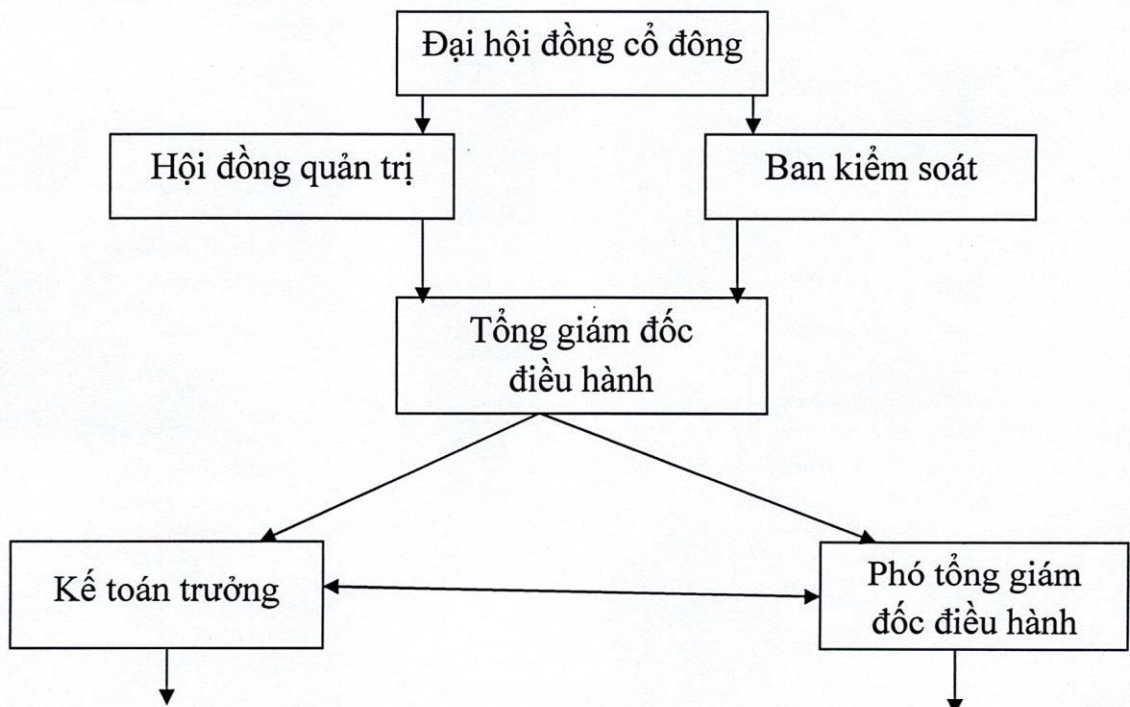
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

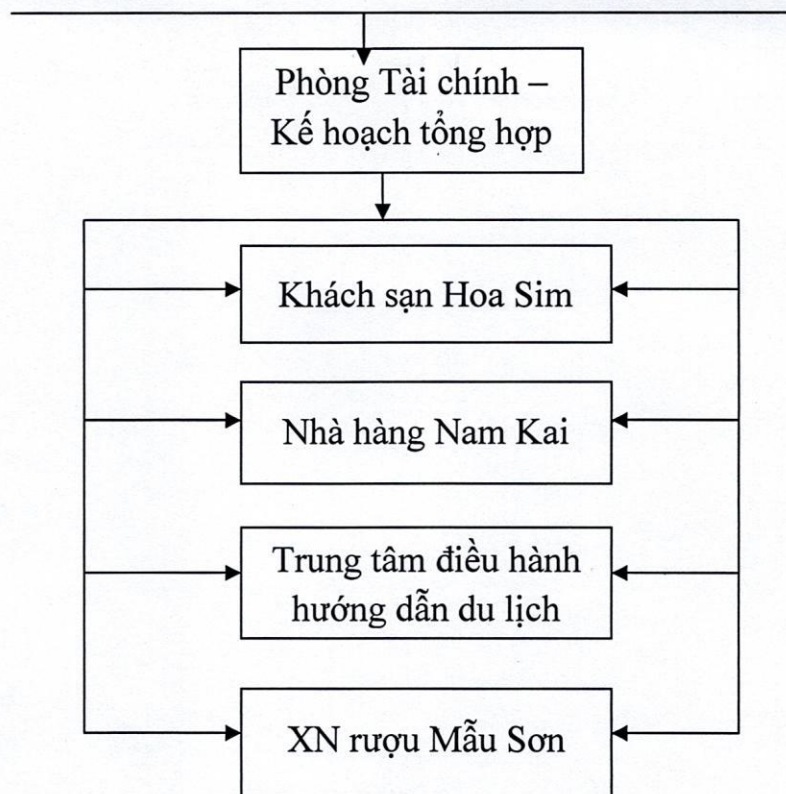
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển và mở rộng thị trường sản phẩm, dịch vụ của công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, uy tín và hình ảnh của công ty. Kết quả kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Xây mới khách sạn Hoa Sim, nghiên cứu phát triển thêm một số sản phẩm rượu Mẫu Sơn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Trên cơ sở thương hiệu sẵn có của công ty, phát triển kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phát triển bền vững, mở rộng sản xuất kinh doanh tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, để rác thải xử lý đúng nơi quy định, hợp đồng với công ty môi trường để hàng ngày đến thu gom rác thải. Công ty thường xuyên tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng như tham gia ủng hộ kinh phí chương trình nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ ngày khởi nghiệp của học sinh sinh viên tỉnh Lạng Sơn, tặng học bổng cho các cháu tại Xã Công Sơn đang học đại học (là vùng nguyên liệu sản xuất Rượu Mẫu Sơn), ủng hộ nhu yếu phẩm bảo hộ y tế và tiền cho quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và nhiều các hoạt động từ thiện khác trên địa bàn Tỉnh Lạng Sơn.

5. Các rủi ro: Lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty là lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng do Dịch bệnh Covid-19 bùng phát trong nước và trên toàn cầu, dẫn đến hoạt động kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn, mảng kinh doanh du lịch dịch vụ lữ hành phải tạm ngừng kinh doanh trong thời gian dài, các mảng kinh doanh khách sạn, nhà hàng, và SXKD rượu hoạt động kinh doanh cầm chừng, nhiều thời điểm phải tạm ngừng kinh doanh để thực hiện phòng, chống dịch bệnh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2020 (sau thuế thu nhập doanh nghiệp) đạt 1.948.972.007 đồng.

- Năm 2020 ảnh hưởng lớn của đại dịch covid-19, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn, mảng kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành hầu như ngừng kinh doanh, mảng dịch vụ nhà hàng hoạt động cầm chừng, mảng kinh doanh rượu Mẫu Sơn do ảnh hưởng của Nghị định 100 / 2019/NĐ-CP của Chính phủ và ảnh hưởng do dịch bệnh covid- 19 cũng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ sp rượu Mẫu Sơn. Ban giám đốc công ty đã nỗ lực tìm các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, duy trì hoạt động SXKD . Để giảm bớt khó khăn và tăng doanh thu cho Công ty, Ban giám đốc đã chủ động đăng ký với chính quyền để Chi nhánh Khách sạn Hoa Sim được đón khách cách ly là các chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác (cách ly 14 ngày để phòng chống dịch covid-19 trước khi đến đơn vị làm việc), tự nguyện trả phí và công ty có nguồn thu ổn định từ mảng khách sạn từ tháng 7/2020, nên lợi nhuận kinh doanh tăng bất thường, nằm ngoài kế hoạch, Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2019	KH 2020	TH năm 2020	% TH/KH
1	Doanh Thu	23.943.285.000	24.311.100.000	19.880.100.425	81,77%
2	Chi phí	23.478.185.000	23.961.100.000	17.931.128.418	74,83%
3	Lợi nhuận	465.100.000	350.000.000	1.948.972.007	556,85%

- Kết quả kinh doanh năm 2020 của toàn Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 1.948.972.007 đồng, tương ứng 556,85%so với kế hoạch đề ra.

- Các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và lợi nhuận năm 2020 không hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu về lợi nhuận hoàn thành vượt chỉ tiêu đề ra và vượt các chỉ tiêu của năm 2019 là do có nguồn thu bất thường từ khách sạn đón khách cách ly là các chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác tự nguyện trả phí từ tháng 7/2020.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 05/2021:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301 (người được ủy quyền đại diện nắm giữ cổ phần của Công ty TNHH Thảo Viên)	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	120.500	3,045

3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT	130.747CP	3,304
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	48.768 CP	1,233%
5	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 50 người, đa số lao động có việc làm và thu nhập ổn định, được Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được tạo điều kiện để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn tại Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty hợp tác kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo viên với dự án Khu dân cư khối 3 từ ngày 31/12/2020 (dự án 02 năm), với số vốn góp dự kiến từ 20 tỷ đến 25 tỷ và đã góp lần 1 với số tiền 20.343.143.840 đ.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	109.952.514.102	108.363.079.245	Tăng 1,46%
Doanh thu thuần	18.321.725.770	16.445.450.635	Tăng 11,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.022.920.511	674.616.327	Tăng 199,86%
Lợi nhuận khác	38.853.672	-192.061.354	
Lợi nhuận trước thuế	2.061.774.183	482.554.973	Tăng 327,26%
Lợi nhuận sau thuế	1.948.972.007	482.554.973	Tăng 303,88%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	492	122	

* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	8.69	17.31	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	6.37	15.31	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.60	0.62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.52	1.59	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3.37	3.54	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.16	0.16	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.06	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.04	0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.11	0.05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 02.4.2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.

+ Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 05 cổ đông, nắm giữ 3.284.780 CP chiếm 82,994%

- Cổ đông nhỏ: 80 cổ đông, nắm giữ 673.120CP chiếm 17,006%

- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 858.061 CP chiếm 21,68%

- Cổ đông cá nhân: 82 cổ đông, nắm giữ 3.099.839 CP chiếm 78,32%

- Cổ đông trong nước: 82 cổ đông, nắm giữ 3.134.140 chiếm 79,187%

- Cổ đông nước ngoài: 03 cổ đông, nắm giữ 823.760 chiếm 20,813%

- Cổ đông nhà nước: Không

- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm đều có công ty môi trường kiểm tra mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn. Công ty luôn ý thức được việc bảo vệ môi trường là quan trọng nên không sẽ xảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 14.476 lít, Tổng số bình dùng để đóng rượu: 39.890 bình

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thắp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 557.492.396 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm 205.522.441 đồng.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 05/2021 là: 50 người, mức lương trung bình đạt : 4.605.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật lao động, lao động thường xuyên được đào tạo lại (chủ yếu là đào tạo tại chỗ) đáp ứng được công việc được giao. Người lao động được công ty đóng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp đều được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần, môi trường làm việc bảo đảm an toàn lao động. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất khi gia đình có người bệnh nặng, thăm hỏi tặng quà gia đình khó khăn bằng tiền hoặc hiện vật. Hàng năm phối hợp với công đoàn cơ sở đều tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm ở địa phương khác ít nhất là 01 lần.

Tuy nhiên năm 2020 là một năm ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, một số lao động Trung tâm du lịch không có việc làm, công ty tạo điều kiện cho làm việc tại nhà, nghiên cứu các sản phẩm Tour tuyến mới để khi hết dịch thì sẵn sàng phục vụ khách hàng, công ty trả lương tối thiểu và đóng các chế độ bảo hiểm bắt buộc đầy đủ cho người lao động để người lao động yên tâm và mảng du lịch không bị chấm dứt hoạt động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ cho người lao động, cử cán bộ có trình độ cao hướng dẫn trực tiếp cho người lao động có tay nghề. Các ngành nghề tại công ty chủ yếu là buồng, bàn, bếp, lễ tân, bảo vệ, sản xuất rượu (chiết rót), bán hàng, lao động mới được tuyển dụng, số ngày đào tạo hướng dẫn thường từ 03 đến 5 ngày/người; người lao động được đào tạo tại chỗ 06 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- Công ty ty hoạt động du lịch dịch vụ, cần lao động trẻ, khỏe, nên trong quá trình làm việc, lao động có nhu cầu Công ty tạo điều kiện về thời gian để người lao động đi học tập các lớp trung cấp, cao đẳng và Đại học để có nghề khi muốn chuyển việc. Công ty cũng thường xuyên đào tạo bồi dưỡng những người có trình độ, năng lực về quản lý điều hành để bổ nhiệm các chức danh quản lý khi cần. Ngoài ra người lao động được tham gia các lớp tập huấn ngắn ngày do cơ quan chức năng mở, phù hợp với từng ngành nghề.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương do địa phương phát động, như ủng hộ Lễ dâng hương, xây nhà cho hộ nghèo, xây nhà trẻ, hội hữu nghị Việt –

Trung, tặng học bổng, ủng hộ đồng bào miền trung bị lũ lụt, hỗ trợ ngày khởi nghiệp của học sinh sinh viên, mái ấm công đoàn, lễ hội hoa đào, ủng hộ các nhu yếu phẩm bảo hộ y tế phòng chống dịch Covid-19 và nhiều hoạt động từ thiện khác, Tổng số tiền ủng hộ năm 2020 là: 95.440.000đ

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, các lĩnh vực chính như du lịch, dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất rượu Mẫu Sơn v.v. Từ đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát , Ban giám đốc công ty dự đoán tình hình kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn, nên đã xây dựng kế hoạch kinh doanh thấp hơn năm 2019 trình Hội đồng quản trị và đã được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Ban giám đốc điều hành công ty đã triển khai kế hoạch kinh doanh, tìm nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn do dịch bệnh, tuy nhiên hoạt động kinh doanh mảng du lịch gần như ngừng hẳn, mảng kinh doanh nhà hàng hầu như tạm ngừng kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2020 để thực hiện các giải pháp phòng và chống dịch bệnh. Do hoạt động kinh doanh của khách sạn , nhà hàng , karaoke trên địa bàn gặp khó khăn nên hoạt động sxkd kinh doanh rượu cũng gặp khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm. Trong lúc tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Ban giám đốc công ty đã chủ động đăng ký khách sạn Hoa Sim của công ty là nơi lưu trú cho cán bộ y tế, cơ quan nhà nước làm công tác cách ly, chữa trị cho bệnh nhân Covid-19 trong trường hợp cần thiết và sau đó Khách sạn đã được Thành phố chỉ định đón khách cách ly là những chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác tự nguyện trả phí, đây là một nguồn thu chính và ổn định và đem lại lợi nhuận cao cho Công ty. Ban giám đốc đã chủ động đầu tư một số trang thiết bị cho Khách sạn Hoa sim để đảm bảo cơ sở vật chất cho việc đón khách cách ly tự nguyện trả phí. Và nguồn thu từ khách sạn đã làm cho lợi nhuận của công ty tăng vượt mức so với kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Lợi nhuận kinh doanh toàn công ty đã đạt vượt chỉ tiêu đề ra, công tác phục vụ khách hàng được chu đáo, phục vụ khác cách ly được đảm bảo an toàn. Công ty đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2020 là 109.952.514.102 đồng (Một trăm linh chín tỷ chín trăm năm hai triệu năm trăm mười bốn nghìn một trăm linh hai đồng).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2020	2019	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	14.593	31.797	-17.204
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	7.983	2.027	5.956
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.500	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	2.675	22.269	-19.594
	- Hàng tồn kho	3.896	4.001	-105
	- Tài sản ngắn hạn khác	37	0	
2	Tài sản dài hạn	95.359	76.565	18.794

	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	21.143	800	20.343
	- Tài sản cố định	8.077	9.690	-1.613
	- Tài sản dở dang dài hạn	635	433	202
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	64.622	65.042	-420
	- Tài sản dài hạn	879	597	282
	Tổng tài sản	109.952	108.363	1.589

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2019 là: 66.350.778.682 đồng (Sáu mươi sáu tỷ ba trăm nawmm mươi triệu bảy trăm bảy tám nghìn sáu trăm tám hai đồng), trong đó nợ ngắn hạn 1.677.956.785 đồng, nợ dài hạn 64.672.821.897 đồng (khoản nợ này là tiền đặt cọc khoán kinh doanh và khoản vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả). Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty vẫn thực hiện tinh giản tối đa số lượng cán bộ khối văn phòng công ty, cán bộ nhân viên kiêm nhiệm công việc, hỗ trợ lẫn nhau đảm bảo công ty hoạt động có hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch xây dựng mới Khách sạn Hoa Sim và mở rộng quy mô hoạt động và phát triển thêm các sản phẩm Rượu Mẫu Sơn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

- Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, Du lịch trong nước và quốc tế; sản xuất rượu Mẫu Sơn. Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Công ty cũng thực hiện công tác tiết kiệm điện, nước tuy nhiên vì là ngành dịch vụ nên điện nước sử dụng phụ thuộc vào khách hàng nên chưa được hiệu quả. Về xử lý rác thải Công ty đã đăng ký với Công ty môi trường thu gom theo quy định, trong năm coogn ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty thực hiện đúng các quy định liên quan đến người lao động Theo Bộ luật lao động năm 2012 và Luật bảo hiểm xã hội, như thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi,

nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-ĐBNN, Năm 2020 ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 năn thu nhập của người lao động không cao, nhưng công ty vẫn đảm bảo trả đủ lương tối thiểu vùng hoặc theo ngày công đi làm. Người lao động được tạo điều kiện để tham gia các tổ chức đoàn thể như tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm nhân dịp ngày 08/3, 20/10, dịp hè ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ... người lao động phấn khởi, yên tâm công tác và cùng công ty vượt qua mọi khó khăn, góp phần cho sự phát triển của Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Đối với Công ty hoạt động trên địa bàn Thành phố Lạng Sơn, đã thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động như chương trình nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào miền trung bị lũ lụt, hỗ trợ ngày khởi nghiệp của học sinh sinh viên, mái ấm công đoàn, lễ hội hoa đào, ủng hộ các nhu yếu phẩm bảo hộ y tế phòng chống dịch Covid-19 và nhiều hoạt động từ thiện khác. Tổng số tiền ủng hộ năm 2020 là: 95.440.000đ

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19. Ban giám đốc đã có những giải pháp phù hợp để khắc phục khó khăn, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty. Sản phẩm dịch vụ của công ty đạt chất lượng, ổn định đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Về nhân sự: Không thay đổi

- Về sản xuất kinh doanh: Kết quả kinh doanh năm 2020 của toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch vượt mức kế hoạch đề ra về lợi nhuận (đó là nguồn thu bất thường không dự báo được từ nguồn khách cách ly do dịch Covid-19 là các chuyên gia nước ngoài sang Việt nam công tác phải cách ly 14 ngày khi nhập cảnh vào Việt Nam). Tuy nhiên hoạt động kinh doanh ở những mảng du lịch, nhà hàng và Rượu Mẩu Sơn đạt thấp do ảnh hưởng của dịch bệnh covid -19.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với môi trường, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với xã hội Công ty tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện do địa phương tổ chức bằng tiền và duy trì việc trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2020 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quy định. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động tham mưu với HĐQT về phương án sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19, công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 thực hiện tốt, vừa chống dịch vừa kinh doanh. Ban giám đốc công ty đã nhạy bén trong việc chủ động đăng ký khách sạn Hoa Sim của công ty là nơi lưu trú cho cán bộ y tế, cơ quan nhà nước làm công tác cách ly, chữa trị cho bệnh nhân Covid-19 trong trường hợp cần thiết và sau đó Khách sạn đã được Thành phố chỉ định đón khách cách ly là những chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác phải cách ly 14 ngày khi nhập cảnh vào Việt Nam, tự nguyện trả phí, đây là một nguồn thu ổn định và đem lại lợi nhuận cao cho Công ty. Ban giám đốc đã chủ động đầu tư một số trang thiết bị cho Khách sạn Hoa sim để đảm bảo phục vụ tốt cho đón khách cách ly tự nguyện trả phí. Tổ chức điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD hoàn thành tốt kế hoạch, lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 1.948.972.007đ hoàn thành 556,85% so với kế hoạch (sở dĩ công ty

đạt được lợi nhuận cao như vậy là có nguồn thu bất thường không dự báo được là nguồn thu từ khách nước ngoài vào Việt Nam công tác bắt buộc phải cách ly do dịch bệnh Covid-19, đã cách ly tại Khách sạn Hoa Sim và tự nguyện trả phí). Lương và các chế độ của người lao động được thực hiện đúng quy định. Nhìn chung Ban giám đốc đưa ra được các giải pháp phù hợp vừa chống dịch vừa phát triển kinh doanh, đảm bảo đời sống cho người lao động, người lao động yên tâm công tác và cùng công ty vượt qua giai đoạn khó khăn nhất.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ vừa chống dịch covid – 19, vừa tập trung thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, quy chế quản trị công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2020, Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty.

Thực hiện các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp với từng thời điểm, để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Tiếp tục đào tạo cán bộ quản lý kế cận, ổn định việc làm, thu nhập, đời sống và thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định cho người lao động trong công ty, có chính sách thu hút người tài vào làm việc cho công ty.

Theo dõi diễn biến dịch bệnh covid – 19, lựa chọn thời điểm phù hợp để triển khai Đầu tư xây dựng mới Khách sạn Hoa Sim đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên ; Tiếp tục phát triển mở rộng thương hiệu rượu Mẫu Sơn, các sản phẩm dịch vụ nhà hàng, du lịch. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2020 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301 <small>(người được ủy quyền đại diện nắm giữ phần vốn của Công ty TNHH Thảo Viên)</small>	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	120.500 CP	3,045%	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	130.747CP	3,304%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2020 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 13 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày tháng năm họp	Nội dung	Kết quả
1.	02/01/2020	v/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo viên vay tiền	01/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
	02/01/2020	v/v gia hạn cho Công ty TNHH Thảo viên vay tiền	02/NQ-HĐQT
2.	03/01/2020	v/v Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	02/BB- HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
3.	03/03/2020	V/v chốt danh sách cổ đông, thành lập ban tổ chức Đại hội, thời gian tổ chức đại hội thường niên năm 2020	03/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
	02/03/2020	v/v Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	04/NQ-HĐQT
	02/03/2020	v/v Thành lập Ban tổ chức đại hội; ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	05/QĐ-HĐQT
4.	10/04/2020	v/v Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	06/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
5.	02/06/2020	v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	08/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
	04/06/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	09/NQ-HĐQT
6.	12/6/2020	v/v Thông qua: Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận, chi cổ tức năm 2019; chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020; mức chi phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2020; ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020; phương án nâng cấp sửa chữa khách sạn Hoa Sim; điều chỉnh phương án sử dụng số tiền huy động từ	11/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí

		chào bán riêng lẻ năm 2018	
7.	05/07/2020	Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19; tạm dừng xây mới khách sạn Hoa Sim	15A/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
8.	29/07/2020	V/v Bổ nhiệm Ông Đậu Trường Sinh làm phụ trách quản trị công ty	16/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
	29/07/2020	V/v Bổ nhiệm Ông Đậu Trường Sinh làm phụ trách quản trị công ty	17QĐ/HĐQT
9.	30/8/2020	V/v gia hạn hợp đồng cho vay tiền, điều chỉnh lãi xuất cho vay	17a/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
	01/09/2020	V/v gia hạn hợp đồng cho vay tiền, điều chỉnh lãi xuất cho vay	17b/NQ-HĐQT
10	06/09/2020	V/v Củng cố, đẩy mạnh hoạt động SXKD vào 03 tháng cuối năm 2020	17c/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
11.	16/11/2020	Tài trợ vốn đối với Công ty TNHH một thành viên Anh Kiệt	18/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
12	24/12/2020	V/v thông qua kết quả xếp loại lao động, thi đua khen thưởng năm 2020, ký hợp đồng lao động, nâng lương năm 2021.	19/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí
13	25/12/2020	Về việc góp vốn hợp tác kinh doanh dự án khu dân cư khối 3, Phường Hoàng Văn Thụ	20/BB-HĐQT Biểu quyết thông qua 100% nhất trí

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	48.768	1,233	
2	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2020 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long - T.D.K- CN Đông Bắc.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hoạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 03 cuộc họp, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2020:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	206.780.770	5.000.000	0	0	211.780.770
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	231.384.615	8.000.000			239.384.615
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	18.000.000	0	0	0	18.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	24.227.850	0	0	0	24.227.850
5	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	138.438.462	500.000			138.938.462
6	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	157.810.430	5.000.000	0	0	162.810.430
	Tổng cộng		776.642.127	18.500.000			795.142.127

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn :

Trong năm 2020 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn hiện giao dịch mua, cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Đậu Trường Sinh	Người nội bộ	14.700	0,37	120.500	3,045	Mua CP

2	Vũ Mộng Nương	Người nội bộ	82.000	2,072	130.747	3,304	Mua CP
3	Đỗ Thu Huyền	Người nội bộ	0	0	48.768	1,233	Mua CP
4	Nguyễn Văn Thanh	Cổ đông lớn	524.979	13,264	25.500	13,909	Mua CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Ngày 31/12/2020 Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thảo Viên có thời hạn 02 năm (Giám đốc của Công ty TNHH Thảo Viên là Bà Nguyễn Kim Thảo đồng thời là Chủ tịch HĐQT, phó tổng giám đốc của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn).

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện theo quy định. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trang điện tử của Công ty đúng quy định.

Tuy nhiên thời điểm năm 2019, 2020 Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nắm quy định của pháp luật chưa đầy đủ dẫn đến vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán (cho tổ chức khác vay tiền), dẫn đến bị Ủy ban chứng khoán nhà nước phạt hành chính với số tiền 100.000.000 đồng. Công ty sẽ rút kinh nghiệm và nghiên cứu luật kỹ hơn trước khi thực hiện.

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.5 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên (bên liên quan) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2020 mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

Vũ Thế Hùng

Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1604-2018-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Phan Đăng Quang

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

4555-2018-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		14.593.271.663	31.797.932.987
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.983.378.893	2.027.633.679
1. Tiền	111		5.883.378.893	2.027.633.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	3.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.675.697.528	22.269.158.204
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	973.721.044	842.876.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11b	470.398.000	584.348.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	52.000.000	18.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.549.578.484	2.341.934.204
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(370.000.000)	-
IV- Hàng tồn kho	140	V.07	3.896.849.181	4.001.141.104
1. Hàng tồn kho	141		3.896.849.181	4.001.141.104
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		37.346.061	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	16.856.061	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	20.490.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		95.359.242.439	76.565.146.258
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		21.143.143.840	800.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	21.143.143.840	800.000.000
II- Tài sản cố định	220		8.077.989.259	9.690.772.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.077.989.259	9.690.772.161
- Nguyên giá	222		25.398.291.565	25.398.291.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.320.302.306)	(15.707.519.404)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	433.672.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	635.490.455	433.672.273
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.622.821.897	65.042.821.897
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02b	64.622.821.897	64.622.821.897
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02a	-	420.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	260		879.796.988	597.879.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	879.796.988	597.879.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		109.952.514.102	108.363.079.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		66.350.778.682	66.510.315.832
I- Nợ ngắn hạn	310		1.677.956.785	1.837.493.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	126.256.818	28.478.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.03b	13.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	341.091.637	218.710.213
4. Phải trả người lao động	314		156.400.000	254.991.051
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	595.254.544	575.454.545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	167.184.195	558.689.717
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	170.000.000	185.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.769.591	16.169.591
II- Nợ dài hạn	330		64.672.821.897	64.672.821.897
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	50.000.000	50.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	64.622.821.897	64.622.821.897
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		43.601.735.420	41.852.763.413
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	43.601.735.420	41.852.763.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	(91.210.454)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.895.147.734	4.095.147.734
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.587.686	(1.730.173.867)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.730.173.867)	(2.212.728.840)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.857.761.553	482.554.973
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		109.952.514.102	108.363.079.245

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	18.321.725.770	16.445.450.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		18.321.725.770	16.445.450.635
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	13.155.610.668	14.161.497.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.166.115.102	2.283.952.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.519.106.910	1.935.113.610
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.650.000	5.300.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.870.503.225	1.191.363.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.789.148.276	2.347.787.190
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.022.920.511	674.616.327
11. Thu nhập khác	31	VI.06	39.267.745	1.235.006.010
12. Chi phí khác	32	VI.07	414.073	1.427.067.364
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		38.853.672	(192.061.354)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.061.774.183	482.554.973
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	112.802.176	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.948.972.007	482.554.973
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	492	122

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.277.067.117	18.271.645.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.956.089.000)	(13.012.848.259)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.895.410.696)	(3.151.082.340)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.831.129.151	3.986.366.132
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.466.774.330)	(5.357.704.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.789.922.242	736.376.571
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(201.818.182)	(1.514.229.640)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(580.000.000)	(26.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.948.000.000	26.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.014.641.154	453.829.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.180.822.972	(1.060.399.921)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170.000.000	185.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(185.000.000)	(185.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		5.955.745.214	(324.023.350)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2.027.633.679	2.351.657.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	7.983.378.893	2.027.633.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Vốn điều lệ : 39.579.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	19,82%
Vốn của nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	20,81%
Vốn của các cổ đông khác	23.498.390.000	59,37%
Cộng	39.579.000.000	100%

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Đại lý du lịch (*mã ngành 7911 Chính*);
- Điều hành tua du lịch (*mã ngành 7912*);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (*mã ngành 1101*);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (*mã ngành 4723*);
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu (*mã ngành 8699*);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là (*mã ngành 5510*);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) (*mã ngành 9329*);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm (*mã ngành 7810*);
- Bán buôn thực phẩm (*mã ngành 4632*).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Nhân viên

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty có 45 nhân viên chính thức làm việc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 1A đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu của khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT- BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 45
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 08
Tài sản cố định khác	04 – 25
Phần mềm quản lý	05

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thực tế mua.

Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng

hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng chuyển giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu hoạt động từ khách sạn nhà hàng, dịch vụ du lịch, hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh rượu mẫu sơn.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ

trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mầu sơn là 10%.

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.777.487.333	883.710.274
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.105.891.560	1.143.923.405
Các khoản tương đương tiền (*)	2.100.000.000	-
Cộng	7.983.378.893	2.027.633.679

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng Ngân hàng Vietcombank, ngày gửi 30/12/2020, lãi suất 2.9%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV CN Lạng Sơn	-	-	500.000.000	500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietcombank CN Lạng Sơn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Dài hạn	-	-	420.000.000	420.000.000
Trái phiếu ngân hàng BIDV	-	-	420.000.000	420.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	64.622.821.897	-	64.622.821.897	-
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	64.622.821.897	-	64.622.821.897	-

Công ty góp vốn bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn tài trợ cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Theo đó, nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào trong quá trình thực hiện dự án liên doanh nên không trích lập dự phòng.

3. Công nợ với khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	973.721.044	842.876.000
Nguyễn Thị Nga	71.350.000	-
Hội nông dân tỉnh Lạng Sơn	59.800.000	-
Công ty CP dược phẩm và VTYT Lạng Sơn	-	120.450.000
Cục Dân Số	86.400.000	1.500.000
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	100.830.000	115.828.000
Trường cao đẳng sư phạm Lạng Sơn	40.625.000	75.195.000
Sở lao động thương binh XH tỉnh Lạng Sơn	102.340.000	16.890.000
Chi cục dân số KHH gia đình tỉnh Lạng Sơn	-	106.600.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	512.376.044	406.413.000
Cộng	973.721.044	842.876.000
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	13.000.000	-
Công ty Zoje	4.000.000	-
Lương Thị Tố Uyên	9.000.000	-
Cộng	13.000.000	-

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thảo Viên	-	18.500.000.000
Ông Lý Hoài Nam	52.000.000	-
Cộng	52.000.000	18.500.000.000

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	1.549.578.484	2.341.934.204
Công ty TNHH Thảo Viên (phải thu lãi tiền vay)	-	840.033.891
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	809.578.484	761.705.113
Tạm ứng cho bà Nguyễn Thị Thủy	740.000.000	740.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	195.200
b) Dài hạn	21.143.143.840	800.000.000
Công ty TNHH Thảo Viên - Đầu tư hợp tác kinh doanh (HĐ số 35/HDHTKD ngày 31/12/2020) (*)	20.343.143.840	-
Ký quỹ hoạt động du lịch lễ hành quốc tế	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm	300.000.000	300.000.000
Cộng	22.692.722.324	3.141.934.204

(*) Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2020 mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

6. Dự phòng nợ phải thu khác ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	740.000.000	(370.000.000)	-	-
Nguyễn Thị Thủy	740.000.000	(370.000.000)	-	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.340.138.865	-	3.607.846.528	-
Thành phẩm	406.612.463	-	318.395.476	-
Hàng hóa	150.097.853	-	74.899.100	-
Cộng	3.896.849.181	-	4.001.141.104	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	25.398.291.565
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	25.398.291.565
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	13.219.655.534	1.925.136.729	562.727.141	15.707.519.404
Tăng trong năm	1.262.423.396	128.298.138	222.061.368	1.612.782.902
Khấu hao trong năm	1.262.423.396	128.298.138	222.061.368	1.612.782.902
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	14.482.078.930	2.053.434.867	784.788.509	17.320.302.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2020	7.672.612.195	669.722.097	1.348.437.869	9.690.772.161
Tại 31/12/2020	6.410.188.799	541.423.959	1.126.376.501	8.077.989.259

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình khách sạn Hoa Sim	635.490.455	433.672.273
Cộng	635.490.455	433.672.273

10. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.856.061	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.856.061	-
b) Dài hạn	879.796.988	597.879.927
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	879.796.988	597.879.927

11. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp là bên liên quan	50.090.909	-
Công ty TNHH Thảo Viên	50.090.909	-
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	76.165.909	28.478.818
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch vụ TM Anh Quang	9.090.909	
Công ty liên doanh vận tải ô tô Sơn Đức	-	28.181.818
Công ty Bảo Việt nhân thọ	-	297.000
Hoàng Thị Khánh	63.760.000	-
Đình Hồng Vân	3.315.000	-
Cộng	126.256.818	28.478.818
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	470.398.000	584.348.000
Công ty TNHH Kiểm toán & định giá Thăng Long	27.500.000	-
Công ty TNHH Kiến Trúc ATH	-	90.000.000
Trả trước tiền mua rượu nguyên liệu	442.898.000	494.348.000
Cộng	470.398.000	584.348.000

12. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	190.881.061	1.468.188.308	1.441.421.532	164.114.285
Thuế TNDN	112.802.176	112.802.176	-	-
Thuế TNCN	4.845.553	7.077.140	4.533.966	2.302.379
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	266.267.763	266.267.763	-
Thuế TTĐB	32.562.847	309.274.356	329.005.058	52.293.549
Thuế, phí khác	-	13.270.874	13.270.874	-
Cộng	341.091.637	2.176.880.617	2.054.499.193	218.710.213
b) Phải thu				
Tiền thuê đất	20.490.000	20.490.000	-	-
Cộng	20.490.000	20.490.000	-	-

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn	170.000.000	170.000.000	185.000.000	185.000.000
Ông Trần Đức Hương	-	-	185.000.000	185.000.000
Bà Lê Như Quỳnh (*)	170.000.000	170.000.000	-	-
Vay dài hạn	64.622.821.897	-	-	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (**)	64.622.821.897	-	-	64.622.821.897
Cộng	64.792.821.897	170.000.000	185.000.000	64.807.821.897

(*) Hợp đồng vay cá nhân bằng tiền mặt ngày 1/4/2020 tại nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn số tiền 170.000.000 VNĐ thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%.

(**) Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi nào được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả.

14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	1.480.675	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	159.487.006	171.862.717
- Bà Nguyễn Tiểu Mai	113.287.500	113.287.500
- Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	8.547.840	8.547.840
- Các đối tượng khác	37.651.666	50.027.377
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.216.514	386.827.000
Cộng	167.184.195	558.689.717
b) Dài hạn		
Bà Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	469.800.000	450.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	125.454.544	125.454.545
Cộng	595.254.544	575.454.545

16. Vốn chủ sở

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.579.000.000	(91.210.454)	4.095.147.734	(2.212.728.840)	41.370.208.440
Lãi trong năm trước	-	-	-	482.554.973	482.554.973
Số dư cuối năm trước	<u>39.579.000.000</u>	<u>(91.210.454)</u>	<u>4.095.147.734</u>	<u>(1.730.173.867)</u>	<u>41.852.763.413</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.948.972.007	1.948.972.007
Tăng khác (*)	-	91.210.454	-	-	91.210.454
Giảm khác (**)	-	-	(200.000.000)	(91.210.454)	(291.210.454)
Số dư cuối năm nay	<u>39.579.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.895.147.734</u>	<u>127.587.686</u>	<u>43.601.735.420</u>

(*) Công ty xử lý thặng dư vốn cổ phần hóa năm 2010 số tiền 91.210.454 đồng theo Biên bản họp Ban Giám đốc số 116/BB/DL-XNK ngày 25/12/2020. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông về việc xử lý thặng dư vốn cổ phần này.

(**) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản họp HĐQT số 02/BB/DL-XNK ngày 03/01/2020

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đã góp			
	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	19,82%	7.843.010.000	19,82%
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:	8.237.600.000	20,81%	8.237.600.000	20,81%
- Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	537.600.000	1,36%	537.600.000	1,36%
- Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương	200.000.000	0,50%	200.000.000	0,50%
- Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ Ông Nguyễn Chính Nghĩa quốc tịch Đài Loan)	7.500.000.000	18,95%	7.500.000.000	18,95%
Vốn góp của cổ đông khác	23.498.390.000	59,37%	23.498.390.000	59,37%
Cộng	<u>39.579.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>39.579.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.895.147.734	4.095.147.734

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng tại xí nghiệp rượu	1.115.138.706	2.457.699.325
Doanh thu dịch vụ lữ hành tour du lịch	488.948.182	2.778.091.535
Doanh thu dịch vụ tại khách sạn Hoa Sim	15.367.812.786	9.768.046.031
Doanh thu tại nhà hàng Nam Kai	1.304.826.096	1.441.613.744
Doanh thu dịch vụ tại văn phòng	45.000.000	-
Cộng	18.321.725.770	16.445.450.635

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng tại xí nghiệp rượu	951.635.718	1.914.903.290
Giá vốn dịch vụ lữ hành tour du lịch	685.831.417	2.772.110.881
Giá vốn dịch vụ tại khách sạn Hoa Sim	10.802.442.488	8.459.658.538
Giá vốn tại nhà hàng Nam Kai	715.701.045	1.014.824.993
Giá vốn dịch vụ tại văn phòng	-	-
Cộng	13.155.610.668	14.161.497.702

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	144.043.070	453.829.719
Lãi cho vay vốn	1.375.063.840	1.481.283.891
Cộng	1.519.106.910	1.935.113.610

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	2.650.000	5.300.000
Cộng	2.650.000	5.300.000

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.078.382.493	1.197.917.830
Chi phí công cụ dụng cụ	22.743.182	1.329.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	222.061.368	236.360.722
Thuế phí lệ phí	70.938.637	66.939.953
Chi phí dự phòng	370.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.717.596	644.068.424
Các khoản chi phí QLDN khác	56.305.000	201.170.717
Cộng	2.789.148.276	2.347.787.190
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên bán hàng	24.999.300	24.393.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.816.052.079	1.128.361.451
Các khoản chi phí bán hàng khác	29.451.846	38.608.575
Cộng	1.870.503.225	1.191.363.026

6. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Xử lý công nợ phải trả người bán của chi nhánh Hà Nội	-	1.121.565.319
Khoán kinh doanh	-	100.000.000
Các khoản khác	39.267.745	13.440.691
Cộng	39.267.745	1.235.006.010

7. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	101.568.131
Xử lý hàng hóa tồn kho của chi nhánh Hà Nội	-	1.228.985.069
Truy thu, phạt thuế theo quyết định thanh tra	-	11.062.400
Các khoản khác	414.073	85.451.764
Cộng	414.073	1.427.067.364

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.061.774.183	482.554.973
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.800	11.062.400
Chuyển lỗ năm 2016	197.281.947	493.617.373
Chuyển lỗ năm 2017	1.058.926.212	-
Thu nhập tính thuế	805.729.824	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	161.145.965	-
Giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	48.343.789	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	112.802.176	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.948.972.007	482.554.973
a) Số điều chỉnh giảm	-	-
b) Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.948.972.007	482.554.973
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	492	122

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Thảo Viên	Cổ đông	Cung cấp hàng hóa dịch vụ	211.708.868
		Mua hàng hóa	50.090.909
		Thu hộ	10.000.000.000
		Chi hộ	10.000.000.000
		Phải thu khác về hợp tác kinh doanh	20.343.143.840

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Mối quan hệ	Số tiền (VND)
Văn phòng		
Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc	231.384.615
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc	206.780.770
Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn		
Vy Hồng Vinh	Giám đốc	80.769.231
Nguyễn Khắc Phương	Phó Giám đốc	72.446.154
Nhà hàng Nam Kai		
Nguyễn Văn Nhân	Giám đốc nhà hàng	72.000.000
Khách sạn Hoa Sim		
Nông Thị Toàn	Phó Giám đốc khách sạn	107.913.333
Triệu Thị Tâm	Phó Giám đốc khách sạn	20.400.000
Trung tâm du lịch		
Phạm Thị Hoa Mai	Giám đốc trung tâm	38.772.308
Trần Thị Ánh Hồng	Phó giám đốc trung tâm	38.395.385

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư (VND)
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Đầu tư vào công ty liên doanh,	64.622.821.897
		liên kết	
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Phải trả vay dài hạn	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Phải trả cổ tức	8.547.840
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Cổ đông	Phải trả cổ tức	113.287.500

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như đã trình bày tại mục VI.1 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và VI.2 – Giá vốn hàng bán. Trụ sở của Công ty và các đơn vị trực thuộc đặt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K chi

nhánh Đông Bắc. Số liệu năm 2019 tại mục VI.1 và VI.2 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty trình bày lại cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

6. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đậu Trường Sinh